

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐST
Ngày: 20/7/2022
V/v “ Xin ly hôn,
tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Biểu**.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

+ Ông **Nguyễn Văn Thư**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Huỳnh Lan Vi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kim H**, sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh **Phạm Như Ch**, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim H trình bày:

Tôi và anh Phạm Như Ch đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hải năm 2015. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc, có một người con chung tên là Phạm Hải N, sinh ngày 07/11/2016. Đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tôi nộp đơn ly hôn và sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Ch vẫn không thay đổi nên tình cảm không còn. Do vậy, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Ch để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên là Phạm Hải N, sinh ngày 07/11/2016 đang sống cùng mẹ và đang học hành ổn định tại xã H nên chị

yêu cầu Tòa án giao cháu N cho chị nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Như Ch trình bày: Về thời điểm vợ chồng chung sống và kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn anh đồng ý như chị H khai, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì mâu thuẫn không lớn. Tại phiên tòa chị H nhất quyết ly hôn anh Ch thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Chung yêu cầu Tòa án giao cho người có điều kiện tốt hơn nuôi con theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị H, anh Ch có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị H và anh Ch; giao con chung là Phạm Hải N sinh ngày 07/11/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: không đề cập xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Bùi Thị Kim H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Phạm Như Ch, có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Kim H và anh Phạm Như Ch tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam năm 2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh Ch là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã nộp đơn ly hôn và sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Ch vẫn không

thay đổi nên tình cảm không còn. Nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết được, tình cảm của hai vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị H xin ly hôn với anh Ch vì mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn.

Tại phiên tòa anh Ch đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn này.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung: Chị H, anh Ch có 01 con chung tên là Phạm Hải N, sinh ngày 07/11/2016, cả hai đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu người kia cấp dưỡng.

Xét điều kiện nuôi dưỡng: Chị H, anh Ch có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu N còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, hiện tại cháu N đang học tập ổn định tại xã H. Hơn nữa chị H là nhân viên kế toán của Công ty TNHH DV Hoàng Hoa Huy tại xã H. Thời gian làm việc cố định từ 07 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, trong khi đó anh Ch là lái xe nên chị H có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N tốt hơn. Do đó cần giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Ch không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim H về việc “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung” đối với bị đơn anh Phạm Như Ch.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Bùi Thị Kim H và anh Phạm Như Ch.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Phạm Hải N, sinh ngày 07/11/2016 cho chị Bùi Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Phạm Như Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011105 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tam Hải;
- Các đương sự
- lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Biếu